

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo
cho các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL, ngày 01/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ nội dung Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 883b/QĐ-TDTTBN ngày 24/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình và kế hoạch đào tạo các ngành đại học chính quy của trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm 04 chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho các khóa bắt đầu khai giảng từ năm học 2024-2025:

1. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Giáo dục thể chất;
2. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Huấn luyện thể thao;
3. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Quản lý TDTT;
4. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Y sinh học TDTT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trong Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (b/c);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐTQLKHHTQT (C12)

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
CHO CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ THAO BẮC NINH**
(Kèm theo quyết định số 510/QĐ-TDTTBN ngày 09 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học TDT Bắc Ninh)

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO

1. Thông tin chung

Chương trình	Chương trình đào tạo đại học
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Huấn luyện thể thao
Mã ngành	7810302
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	124
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	
Áp dụng từ năm tuyển sinh	
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Huấn luyện thể thao

2. Mục tiêu

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Huấn luyện thể thao có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, cung cấp cho người học nền tảng kiến thức, kỹ năng rộng và chắc chắn để người học sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ và hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề thực tiễn trở thành huấn luyện viên thể thao chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển thể thao cộng đồng, thể thao thành tích cao và thể thao giải trí trong xã hội.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
MT1	Đào tạo cử nhân ngành HLTT có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực thể dục thể thao; có trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp; bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.
MT2	Hiểu biết vững chắc về khoa học thể thao, y sinh học, tâm lý học thể thao và phương pháp huấn luyện hiện đại. Nắm vững nguyên tắc xây dựng giáo án, lập kế hoạch huấn luyện phù hợp với từng đối tượng. Am hiểu về dinh dưỡng, phục hồi chức năng và y học thể thao nhằm hỗ trợ vận động viên. Nhận thức về quản lý thể thao, tổ chức sự kiện thể thao và xu hướng phát triển thể thao chuyên nghiệp.

MT3	Thực hành tốt các kỹ thuật và chiến thuật trong huấn luyện thể thao. Có năng lực trong công tác tuyển chọn vận động viên, tổ chức công tác huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao. Điều hành đội nhóm, quản lý vận động viên và xây dựng chiến lược phát triển thể thao. Kết nối, truyền động lực và làm việc hiệu quả với vận động viên, đồng nghiệp, phụ huynh. Đánh giá hiệu quả huấn luyện, nghiên cứu phát triển mô hình huấn luyện mới.
MT4	Tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy tắc và chuẩn mực trong huấn luyện thể thao. Khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của môi trường thể thao trong nước và quốc tế. Thái độ chuyên nghiệp, kiên trì, bền bỉ và khả năng làm việc dưới áp lực cao. Định hướng phát triển bền vững, gắn huấn luyện thể thao với lợi ích cộng đồng và sức khỏe xã hội.
MT5	Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trung tâm huấn luyện thể thao, câu lạc bộ chuyên nghiệp, trường học, tổ chức thể thao cộng đồng. Góp phần nâng cao thành tích thể thao quốc gia và phát triển thể thao quần chúng. Hỗ trợ xây dựng phong trào thể thao học đường, thể thao cho mọi người, cải thiện sức khỏe cộng đồng. Đáp ứng xu hướng phát triển ngành công nghiệp thể thao, giải trí và du lịch thể thao trong nước và quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CDR	Mức theo thang Bloom
PLO1: Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật và các kiến thức về khoa học thể thao, y sinh học và tâm lý học thể thao vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực huấn luyện thể thao.	1.1. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật vào công tác giảng dạy - huấn luyện.	3
	1.2. Áp dụng được các kiến thức về khoa học thể thao, y sinh học và tâm lý học thể thao vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực huấn luyện thể thao.	3
PLO2: Nắm vững phương pháp giảng dạy và huấn luyện thể thao cơ bản cho các lứa tuổi và trình độ khác nhau. Xây dựng kế hoạch, giáo án tập luyện theo mục tiêu đề ra và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.	2.1. Sắp xếp được các vấn đề cần giải quyết về phương pháp giảng dạy và huấn luyện thể thao cơ bản cho các lứa tuổi và trình độ khác nhau.	2
	2.2. Vận hành được kế hoạch huấn luyện, giáo án tập luyện theo mục tiêu đề ra và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.	3
PLO3: Đánh giá được kết quả một cách khoa học trong tuyển chọn, kiểm tra, có năng lực điều chỉnh tâm lý và nhịp điệu	3.1. Xác định được kết quả một cách khoa học trong tuyển chọn, kiểm tra, có năng lực điều chỉnh tâm lý và nhịp điệu hợp lý trong quá trình tổ chức huấn luyện.	4

hợp lý trong quá trình tổ chức huấn luyện. Áp dụng các nguyên tắc an toàn trong tập luyện và thi đấu. Phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến thành tích thể thao và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.	3.2. Vận dụng được các nguyên tắc an toàn trong tập luyện và thi đấu.	3
	3.3. Chẩn đoán được những yếu tố ảnh hưởng đến thành tích thể thao và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.	4
PLO4: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.	4.1. Thực hiện được các tình huống giao tiếp cơ bản yêu cầu sử dụng ngoại ngữ	2
	4.2. Viết được văn bản đơn giản bằng ngoại ngữ; Sử dụng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản trong các hoạt động chuyên môn.	3
	4.3. Thực hiện được các kỹ năng tin học cơ bản; Lựa chọn và sử dụng công nghệ thông tin để tổ chức quản lý các hoạt động TDTT.	2
PLO5: Trình diễn được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5.1. Thiết lập được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5
	5.2. Hệ thống hóa được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5
PLO6: Xây dựng các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	6.1. Sắp xếp được các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	5
	6.2. Thiết kế được các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	5
PLO7: Sử dụng thiết bị, công cụ hỗ trợ trong huấn luyện thể thao một cách hiệu quả. Xử lý các tình huống trong huấn luyện và thi đấu thể thao một cách linh hoạt, kịp thời.	7.1. Sắp xếp được thiết bị, công cụ hỗ trợ trong huấn luyện thể thao một cách hiệu quả.	4
	7.2. Điều chỉnh được các tình huống trong huấn luyện và thi đấu thể thao một cách linh hoạt, kịp thời.	4
PL08: Giao tiếp và hướng dẫn vận động viên, học viên một cách rõ ràng, dễ hiểu.	8.1. Thiết kế môi trường làm việc hợp tác bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	5
	8.2. Trình diễn khả năng giao tiếp, hướng dẫn vận động viên, học viên một cách rõ ràng, dễ hiểu trong quá trình tổ chức giảng dạy, huấn luyện.	5
PL09: Chủ động lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá quá trình tập luyện cho vận động viên. Phối hợp với đồng nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực thể thao để nâng cao hiệu quả huấn luyện.	9.1. Xác nhận giá trị tính chủ động, phối hợp quá trình tổ chức đánh giá trong công tác huấn luyện.	5
	9.2. Thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá quá trình tập luyện cho vận động viên.	5
	9.3. Đánh giá hiệu quả công tác huấn luyện.	4
PL10: Nhận thức rõ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng	10.1. Thực hiện tốt và đầy đủ các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của	5

năng cảm thụ, sáng tạo với tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy - huấn luyện thể thao. Học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực thể thao.	Nhà nước và phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.	
	10.2. Biểu lộ tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy - huấn luyện thể thao.	5
	10.3. Thôi thúc năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực thể thao.	5

Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
PLO1	x	x			
PLO2		x	x		
PLO3		x	x		
PLO4				x	
PLO5			x		x
PLO6			x		x
PLO7		x	x		x
PLO8	x			x	
PLO9	x		x	x	x
PL10	x			x	

4. Chuẩn đầu vào:

Người học các CTĐT ngành HLTT trình độ cử nhân phải đáp ứng các điều kiện:

a) Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương phù hợp với quy định hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo quy định tuyển sinh và đề án tuyển sinh của mỗi CSĐT. Hội đồng tuyển sinh của CSĐT đề xuất, quyết định và công bố các tiêu chí, ngưỡng điểm đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển được xây dựng trong quy định, đề án tuyển sinh của CSĐT.

c) Chương trình đào tạo cụ thể cần làm rõ các yêu cầu bổ sung (nếu có) phù hợp với định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập hiệu quả và hoàn thành tốt CTĐT.

5. Nội dung và kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo

5.1. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Tín chỉ	Số Tiết	Phân bổ giờ lên lớp			Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp	Mã HP song hành	HK thực hiện
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG											
1	1ĐC305GHQY	Triết học Mác - Lê nin	3	45	45		105		ĐC306GHQY		HK1
2	1ĐC306GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	30		70	ĐC305GHQY	1ĐC307GHQY		HK2
3	1ĐC307GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		70	1ĐC306GHQY	1ĐC304		HK2
4	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		70	1ĐC307GHQY	1ĐC308GHQY		HK3
5	1ĐC308GHQY	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30		70	1ĐC304			HK3
6	1ĐC201	Ngoại ngữ1	3	45	45		105		1ĐC202		HK1
7	1ĐC202	Ngoại ngữ2	3	45	45		105	1ĐC201			HK2
8	1ĐC103	Tin học đại cương	2	45	15	30	55				HK6
9	1TL101	Tâm lý học đại cương	2	30	30		70		1TL102HYQ		HK3
10	1TL201	Giáo dục học đại cương	2	30	30		70		1TL202HYQ		HK4
11	1ĐC101	Thống kê toán học	2	30	30		70		1ĐC106		HK3
12	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30		70	1ĐC101 1ĐC102			HK5
13	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước	2	30	30		70				HK4
14	1QL101	Pháp luật đại cương	2	30	30		70				HK2
15	1QP001-4	Giáo dục quốc phòng và An ninh	11	165							HK2
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH											
1. Kiến thức cơ sở ngành											
a. Các môn lý thuyết bắt buộc											
1	1TL102HYQ	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	30	30		70	1TL101			HK5
2	1TL202HYQ	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	30	30		70	1TL201			HK6
3	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK2
4	1YS301	Sinh lý Thể dục thể thao 1	2	30	30		70		1YS302		HK3
5	1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao 2	2	30	30		70	1YS301			HK4
6	1LL004H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1	2	30	30		70		1LL005H		HK5

7	1LL005H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2	2	30	30		70	1LL004H			HK6
8	1QL204H	Quản lý thể thao thành tích cao	2	30	30		70				HK8
9	1TC001	Tuyển chọn thể thao	2	30	30		70				HK8
10	1YS101	Y học Thể dục thể thao	3	45	45		105				HK7
11	1ĐC102	Đo lường Thể thao	2	30	30		70	1ĐC101			HK4
12	1YS601HQ	Hồi phục Thể thao	2	30	30		70				HK7
b.Các môn lý thuyết tự chọn											
1	1YS401GYQ	Sinh hóa Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK7
2	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK2
3	1LL003H	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	2	30	30		70				HK3
4	1TL103H	Tâm lý lứa tuổi	2	30	30		70				HK5
5	1QL301GH	Kinh tế học Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK8
6	1QL307GH	Marketing Thể thao	2	30	30		70				HK6
7	1QI304GHY	Xã hội học Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK6
8	1YS402HQ	Sinh cơ Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK4
9	1YS402YH	Dinh dưỡng Thể thao	2	30	30		70				HK1
10	1LL007	Lịch sử Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK1
11	1TL204	Văn hóa thể thao	2	30	30		70				HK3
12	1QL311GHYQ	Khởi nghiệp – Sáng tạo	2	30	30		70				HK
III. KIẾN THỨC NGÀNH:											
a. Các môn bắt buộc											
1	1(BS,CL,VO,BC, BR,BN,CV,BB, GO,VA,QV,BĐ, ĐK,TD,BL) 001- 008H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể thao chuyên ngành	24	600	120	480	600				HK1-8
2	1ĐK007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	2	60		60	40				HK1
3	1TD007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	2	60		60	40				HK2

1. Thực tập nghề nghiệp											
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	135							HK5
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	225							HK7
2. Khóa luận (học phần chuyên môn thay thế)											
1	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp	6	270							HK8
2	1QL206Q	Lý luận và phương pháp Huấn luyện thể thao thành tích cao	3	45	45		105				HK8
3	1YS102GHY	Y sinh học thể dục thể thao	3	45	45		105				HK8
Tổng cộng			124	2715							

5.2.. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Học phần	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số TC	Số giờ trong học kỳ							
						HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG													
1	1ĐC305GHQY	Triết học Mác - Lê nin		45	3	45							
2	1ĐC306GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	1ĐC305GHQY	30	2		30						
3	1ĐC307GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1ĐC306GHQY	30	2		30						
4	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC307GHQY	30	2			30					
5	1ĐC308GHQY	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC304	30	2			30					
6	1ĐC201	Ngoại ngữ 1		45	3	45							
7	1ĐC202	Ngoại ngữ 2	1ĐC201	45	3		45						
7	1ĐC103	Tin học đại cương		30	2						30		
8	1TL101	Tâm lý học đại cương		30	2			30					

9	1TL201	Giáo dục học đại cương		30	2				30				
10	1ĐC101	Thống kê toán học		30	2			30					
11	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học		30	2					30			
12	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước		30	2				30				
13	1QL101	Pháp luật đại cương		30	2		30						
14	1QP001-4	Giáo dục quốc phòng và An ninh		165	11		165						
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH													
1. Các môn lý thuyết bắt buộc													
1	1TL102HYQ	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL101	30	2					30			
2	1TL202HYQ	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL201	30	2						30		
3	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao		30	2		30						
4	1YS301	Sinh lý Thể dục thể thao 1		30	2			30					
5	1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS301	30	2				30				
6	1LL004H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1		30	2					30			
7	1LL005H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2	1LL004H	30	2						30		

8	1QL204H	Quản lý thể thao thành tích cao		30	2								30
9	1TC001	Tuyển chọn thể thao		30	2								30
10	1YS101	Y học Thể dục thể thao		45	3							45	
11	1ĐC102	Đo lường Thể thao		30	2				30				
12	1YS601HQ	Hồi phục Thể thao		30	2							30	
2. Các môn lý thuyết tự chọn													
1	1YS401GYQ	Sinh hóa Thể dục thể thao		30	2							30	
2	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao		30	2	30							
3	1LL003H	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất		30	2			30					
4	1TL103H	Tâm lý lứa tuổi		30	2					30			
5	1QL301GH	Kinh tế Thể dục thể thao		30	2								30
6	1QL307GH	Marketing thể thao		30	2						30		
7	1QL304GHY	Xã hội học Thể dục thể thao		30	2						30		
8	1YS402HQ	Sinh cơ Thể dục thể thao		30	2				30				
9	1YS402YH	Dinh dưỡng Thể dục thể thao		30	2	30							
10	1LL007	Lịch sử Thể dục thể thao		30	2	30							
11	1TL204	Văn hóa thể thao		30	2			30					

12	1QL311GHYQ	Khởi nghiệp – Sáng tạo		30	2								
III. KIẾN THỨC NGÀNH:													
1. Các môn bắt buộc													
1	1(BS,CLVO,B C,BR,BN, CV,BB,GO,V A,QV,BĐ, ĐK,TD,BL) 001- 008H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể thao chuyên ngành		600	24	75	75	75	75	75	75	75	75
2	1ĐK007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh		60	2	60							
3	1TD007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục		60	2		60						
4	1BL007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội		60	2			60					
5	1ĐK009H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ		45	2				45				
6	1BN010H	Lý luận và phương pháp TCVD		45	2	45							
7	1BR001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ		45	2						45		
8	1VO007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Võ		45	2					45			
9	1CL007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông		45	2				45				

[illegible]

6	Ngoại ngữ 1	1ĐC201	6	2	0	0	2	0	0	0	0	0	1
7	Ngoại ngữ 2	1ĐC202	6	2	0	0	3	0	0	0	0	0	2
8	Tin học đại cương	1ĐC103	2	0	0	0	2	0	0	2	0	1	2
9	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	2	1	0	0	0	0	0	0	1	1
10	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1
11	Thông kê toán học	1ĐC101	2	2	1	3	0	0	0	0	0	0	1
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	2	1	3	0	0	0	0	0	0	1
13	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	2
14	Pháp luật đại cương	1QL101	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	2
B	Kiến thức cơ sở ngành		31										
	1. Bắt buộc		25										
15	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102HYQ	2	2	3	0	0	0	0	0	1	0	2
16	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202HYQ	2	2	3	0	0	0	0	0	1	0	0
17	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS701	2	2	2	2	0	0	0	0	0	1	2
18	Sinh lý Thể dục thể thao 1	1YS301	2	2	2	1	0	0	0	0	0	2	2
19	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS302	2	3	2	2	0	0	0	0	0	2	2
20	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1	1LL004H	2	2	2	0	0	0	0	0	0	2	2
21	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể	1LL005H	2	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2

[illegible]

	Bắt buộc		42										
39	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành	1(BS,CLVO,BCBR,BN,CV,BB,GO,VA,QV,BĐ,ĐK,TD,BL)001-008H	24	1	3	2	2	3	3	2	2	2	2
40	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	1ĐK007H	2	0	0	0	0	2	3	3	2	2	1
41	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	1TD007H	2	0	0	0	0	2	3	3	2	2	1
42	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội	1BL007H	2	0	0	0	0	2	3	3	2	2	1
43	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ	1ĐK009H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
44	Lý luận và phương pháp TCVD	1BN010H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
45	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ	1BR001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
46	Lý luận và phương pháp huấn luyện Võ	1VO007H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
47	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông	1CL007H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
48	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng Bàn	1BB001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
	2. Tự chọn		6					1			1		

49	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyên	1BC001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
50	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá	1BD001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
51	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng ném	1BN007GYQH	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
52	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cờ vua	1CV007GYQH	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
53	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn Súng	1BS001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
54	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật	1VAT001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
55	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt	1QV001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
56	Lý luận và phương pháp huấn luyện Đá cầu	1BD008H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
57	Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf	1GO007H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
D	Thực tập nghiệp vụ		8										
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	2	1	1	0	0	2	2	1	1	1
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	2	2	2	0	0	3	3	2	2	2
E	Khóa luận (học phần chuyên môn thay thế)		6										
1	Khóa luận tốt nghiệp	1LV001	6	2	2	3	2	0	0	3	3	2	2

2	Lý luận và phương pháp thể thao thành tích cao	1QL206Q	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	2
3	Y sinh học thể dục thể thao	1YS102GHY	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	2
	Tổng số tín chỉ		124										

Ghi chú: Mức độ đóng góp của HP và PLO được xác định cụ thể:

0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp ít; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao

7. Phương pháp giảng dạy

TT	Phương pháp giảng dạy
1	Đạy học trực tiếp
	Giải thích cụ thể (Explicit teaching)
	Thuyết giảng (Lecture)
	Tham luận (Guest lecture)
2	Đạy học gián tiếp
	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)
	Học theo tình huống (Case Study)
3	Học trải nghiệm
	Mô hình (Models)
	Thực tập, thực tế (Field Trip)
	Thí nghiệm (Experiment)
	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)
4	Đạy học tương tác
	Tranh luận (Debates)
	Thảo luận (Discussion)
	Học nhóm (Peer Learning)
5	Tự học
	Bài tập ở nhà (Work Assignment)

8. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 30% điểm đánh giá quá trình và 60% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; bài tập về nhà; bài tập nhóm; thuyết trình; kiểm tra nhanh; viết tiểu luận...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): trắc nghiệm, tự luận; viết báo cáo; thực hành; dự án; thuyết trình; bài tập tình huống; vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp dựa trên các rubric, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, chính xác, công bằng.

Ma trận mối quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra
(dùng dấu x)

[illegible]

7	Đánh giá thực hành				X	X	X	X	X	X	X
II	Đánh giá tổng kết										
1	Đánh giá tự luận	X	X	X	X	X	X	X		X	X
2	Đánh giá thực hành				X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá trắc nghiệm										

9. Các chương trình đào tạo tham khảo

1. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, trường Đại học TDTT Đà Nẵng.
2. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, Trường đại học TDTT Bắc Kinh, Trung Quốc.
4. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, Học viện TDTT Thượng Hải, Trung Quốc.

10. Đội ngũ giảng viên, nhân lực hỗ trợ

Nhà trường và khoa HLTT chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động của đội ngũ GV, NCV để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2021 - 2026, Nhà trường và khoa HLTT tiếp tục rà soát, sắp xếp nhân sự cho phù hợp với đề án vị trí việc làm thực tế tại khoa HLTT và tại đơn vị. Trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ GV, NCV phù hợp và hiệu quả hơn.

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình ngành Huấn luyện thể thao trình độ đại học gồm, 14 Phó Giáo sư, 33 Tiến sĩ và 77 Thạc sĩ. Trong đó có:

- 03 PGS phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
- 05 Tiến sĩ, 01 Thạc sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình;
- 11 Phó giáo sư, 28 Tiến sĩ và 76 Thạc sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Huấn luyện thể thao.

11. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Nhà trường đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và là một trong những Trường Đại học đào tạo chuyên về TDTT lớn nhất cả nước nên có hệ thống sân bãi, nhà tập luyện, dụng cụ tập luyện, thi đấu lớn, đầy đủ và đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành và các hệ đào tạo. Trong đó bao gồm: Những công trình và cơ sở vật chất - kỹ thuật có qui mô lớn, sử dụng lâu dài và có sự đầu tư lớn về thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là:

- + Nhà thi đấu
- + Nhà tập tổng hợp.
- + 02 Bể bơi.
- + 02 Sân điền kinh.
- + 02 Sân bóng đá.
- + 01 Sân tập golf
- + 2 Sân tennis.

- + 01 Sân tập Picketball
- + 4 sân bóng chuyền.
- + 3 sân bóng rổ.
- + Nhà tập thể dục.
- + Nhà tập võ.
- + Nhà tập bóng bàn.
- + Nhà tập thể lực.
- + Nhà tập cầu lông.
- + Nhà tập vật.
- + Phòng thí nghiệm.
- + Phòng học ngoại ngữ (chuyên dụng), phòng máy tính thực hành tin học.
- + Phòng hội thảo thư viện, hội trường A, B.
- + Trên 80 phòng học (trong đó 30 phòng có 50 chỗ ngồi).
- + Trung tâm Y tế phục hồi chức năng.
- + 03 phòng học 100 chỗ.
- + 4000 chỗ ở ký túc xá.
- + Phòng làm việc của cán bộ giáo viên.
- + Thư viện.

Để đào tạo ngành HLTT, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với 68 đầu sách, giáo trình để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

12. Hướng dẫn và thực hiện

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành HLTT được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và theo hướng đổi mới phương pháp dạy và học đại học gắn liền với thực tiễn, lấy người học làm trung tâm.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Huấn luyện Thể thao, được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Chương trình được thực hiện từ năm học 2024 - 2025 đối với các khoá đại học ngành Huấn luyện Thể thao.